



Start List

출전선수 목록

Match 42 Court 3

CHN vs VIE

CHN - China, People's Republic of

No.	Name	Position	Date of Birth	Height m/ft in	Match
Reserves					
1	CUI Yongyan		23 MAR 1993	1.64 / 5'5"	
2	GENG Xuekai		10 AUG 1995	1.73 / 5'8"	
3	GU Xihui		4 OCT 1990	1.70 / 5'7"	
4	LAO Tianxue		28 JAN 1990	1.70 / 5'7"	
5	ZHAI Heyang		25 FEB 1993	1.62 / 5'4"	
6	ZHANG Yanan		16 MAY 1992	1.62 / 5'4"	
7	LIU Xiaofang		29 JUN 1990	1.65 / 5'5"	
8	WANG Qiyue		22 APR 1993	1.62 / 5'4"	
9	SONG Cheng		4 JUL 1987	1.75 / 5'9"	
10	CUI Yonghui		31 OCT 1991	1.73 / 5'8"	
12	CAO Xulian		2 JUN 1995	1.69 / 5'7"	
13	XU Jinling		12 MAR 1993	1.64 / 5'5"	

VIE - Vietnam

No.	Name	Position	Date of Birth	Height m/ft in	Match
Reserves					
1	NGUYEN Thi Quyen		10 MAY 1988	1.64 / 5'5"	
2	CAO Thi Hai Yen		16 DEC 1992	1.65 / 5'5"	
3	le Thi Tam		20 AUG 1990	1.60 / 5'3"	
4	TRAN Thi Thuy Linh		26 JAN 1991	1.68 / 5'6"	
5	CAO Thi Yen		18 JUL 1987	1.68 / 5'6"	
6	NGUYEN Thi Bich Thuy		3 JUL 1985	1.73 / 5'8"	
7	DUONG Thi Xuyen		4 MAR 1994	1.64 / 5'5"	
10	NGUYEN Thi Hoa		29 MAR 1988	1.66 / 5'5"	
11	BUI Thi Hai Yen		25 JAN 1996	1.68 / 5'6"	
12	NGUYEN BACH van		1 JUN 1986	1.62 / 5'4"	
13	TRAN Thi Thu Hoai		24 MAR 1993	1.78 / 5'10"	